TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LS** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HS-ST
Ngày 13-03-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LS, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Văn Lợi

Ông Trần Ánh Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Vân - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện LS.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LS tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện LS, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024 /QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Thái N; sinh ngày 07 tháng 9 năm 1974; tại: L, Hòa Bình; trú tại: Xóm R, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Cán bộ (Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã L, đang bị tạm đình chỉ chức vụ từ ngày 23/10/2023); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Minh C (đã chết) và bà Bùi Thị D; có vợ Hoàng Thị H và 02 con; gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Là Đảng viên Đ, Ủy viên Ban thường vụ Đảng Ủy UBND xã L. Bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 12/12/2023, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy từ ngày 18/5/2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Sâm; sinh ngày 04 tháng 12 năm 1969 tại L, Hòa Bình; Nơi cư trú: Đ, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn L (đã chết) và bà Hoàng Thị H1; có vợ Nguyễn Thị V và có 02 con; gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Là Đảng viên Đ, bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ 12/12/2023.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo Hoàng S không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Văn H2**;** sinh ngày 15 tháng 12 năm 1981, tại L, Hòa Bình; trú tại: Xóm R, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Công chức UBND xã L; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H3 và bà Nguyễn Thị M; có vợ Bùi Thúy V1 và có 02 con; gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình.

Là đảng viên Đ, Bí thư chi bộ xóm R, xã L, huyện L, Hòa Bình. Bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 12/12/2023 Đình chỉ sinh hoạt cấp ủy Bí thư chi bộ xóm R Tằm từ ngày 23/5/2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo Hoàng Văn H2 không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Xuân C1**;** sinh ngày 19 tháng 4 năm 1972, tại L, Hòa Bình; trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Cán bộ (Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã L); trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Trần Thị T1; có vợ Kim Thị H4 và 02 con; gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Là Đảng viên Đ bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 12/12/2023.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Xuân C1 không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Duy B**;** sinh ngày 20 tháng 5 năm 1973, tại L, Hà Nam; nơi cư trú: xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nghề nghiệp: Công chức (kế toán tài chính UBND xã L); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Duy C2 và bà Trần Thị H5; có vợ Nguyễn Thùy L1 và 02 con; gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình.

Là đảng viên Đ bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 12/12/2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo Trần Duy B không bị tạm giữ, tạm giam. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Ông Nguyễn Đình T2; sinh năm 1952; trú tại: R, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Có mặt.

2. Ông Nguyễn Minh T3; sinh năm 1984; trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Có mặt.

3. Ông: Bùi Đức T4; sinh năm 1984; trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Có mặt

4. Ủy Ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Anh Q - Phó Chủ tịch Ủy Ban nhân dân xã L (quyền phụ trách) - Có mặt.

- *Người Làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị N1; sinh năm 1971; trú tại: xóm R, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Có mặt.

2. Bà Trần Thu H6; sinh năm 1975; trú tại: Xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước thời điểm năm 2017, UBND xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình ký hợp đồng lao động bưu tá với ông Nguyễn Đình T2, để thực hiện nhiệm vụ nhận, chuyển giao công văn, giấy tờ của xã L đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định; ký hợp đồng lao động ủy nhiệm thu với ông Bùi Đức T4, để thực hiện nhiệm vụ thu tiền thuế nhà ở, nhà đất của các hộ dân trên địa bàn. Ngày 03/01/2017, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND về việc "quy định chức danh, số lượng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách, khoản kinh phí hoạt động của một số tổ chức cấp xã và xóm, tổ dân phố", trong đó không có đối tượng được hưởng lương, phụ cấp là Bưu tá, Ủy nhiệm thu.

Cuối năm 2017, Đinh Thái N (thời điểm đó đang là Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã L) trong cuộc họp với Ban thường vụ Đảng ủy xã L nhiệm kỳ 2015 – 2020, gồm có ông Bạch Ngọc T5 - Bí thư Đảng ủy (hiện đã chết); bà Nguyễn Thị N1 - Phó bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân; bà Trần Thị Thu H7 - Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã và Lê Xuân C1 - Phó chủ tịch UBND xã tham gia, Đinh Thái N đã đề xuất về việc ký hợp đồng lao động bảo vệ UBND xã L đối với Nguyễn Đình T2 và Bùi Đức T4 nhưng thực tế không làm công việc bảo vệ mà phân công Tắc tiếp tục làm công việc bưu tá, T4 làm công việc ủy nhiệm thu, do lúc đó nếu T2, T4 nghỉ việc thì sẽ không có ai làm thay các công việc này, sẽ ảnh hưởng đến công việc của xã L. Ban thường vụ Đảng ủy xã L nhiệm kỳ 2015- 2020 đã họp vào các ngày 11/12/2017, 18/12/2017 và 03/01/2018 (vắng bị cáo N 03/01/2018) và đều nhất trí với nội dung N đề xuất.

Sau khi được Ban thường vụ Đảng ủy xã đồng ý chủ trương, N đã chỉ đạo trực tiếp Hoàng Văn H2, sinh năm 1981, nơi cư trú: xóm R, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình là công chức văn phòng thống kê, kiêm thủ quỹ trực tiếp soạn thảo các hợp đồng lao động bảo vệ đối với Nguyễn Đình T2 các năm 2018, 2019, 2020, 2021 (từ tháng 01/2018 – 12/2021); Bùi Đức T4 các năm 2018, 2019 (từ 01/2018 – 12/2019, nhưng tháng 06/2019 anh T4 nghỉ việc). Ngoài ra N còn chỉ đạo H2 soạn thảo thêm hợp đồng lao động bảo vệ đối với Nguyễn Minh T3, sinh năm 1984, nơi cư trú: xóm Đ, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình (là con trai ông T2) trong các năm 2018, 2019, 2020, 2021 (từ tháng 01/2018 – 12/2021) để cho ông T2 được hưởng thêm số tiền phụ cấp từ hợp đồng lao động bảo vệ của T3. Bản thân Thiện không làm công việc gì tại Ủy ban nhân dân xã L.

Sau khi các hợp đồng lao động bảo vệ với T2, T4, T3 được N ký, Hoàng Văn H2 chuyển lại cho kế toán và thực hiện việc chi trả phụ cấp hàng tháng.

Trong thời gian từ tháng 1/2018 đến tháng 6/2021 Đinh Thái N khi đó là Chủ tịch UBND xã, chủ tài khoản đã ký chi trả phụ cấp cho hợp đồng bảo vệ của ông T2 44.000.00 đồng, anh T3 50.000.000 đồng, anh T4 23.400.000 đồng.

Hoàng Sâm, là công chức kế toán, tài chính UBND xã L từ 10/2017 đến 10/2020. Mặc dù biết T2, T4, T3 không làm bảo vệ UBND xã L nhưng S vẫn thực hiện việc dự toán, chi trả phụ cấp, quyết toán theo như hợp đồng lao động bảo vệ do N đã ký. Số tiền phụ cấp chi trả cho các hợp đồng lao động bảo vệ của T2, T4, T3 được lấy từ nguồn ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền S thực hiện chi trả phụ cấp cho ông T2 34.000.000 đồng, anh T3 38.800.000 đồng (tháng 6/2019 anh T3 nghỉ việc), anh T4 23.400.000 đồng, tổng cộng 96.200.000 đồng.

Sau khi Hoàng S chuyển công tác, Trần Duy B, được điều động về làm công chức kế toán, tài chính UBND xã L từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2021. Mặc dù biết T2, T3 không làm bảo vệ UBND xã L nhưng vẫn thực hiện chi trả phụ cấp theo

hợp đồng lao động bảo vệ do bị cáo N đã ký năm 2020, 2021. Tổng số tiền bị cáo B thực hiện dự toán, quyết toán, chi trả phụ cấp cho ông T2 là 19.000.000 đồng, anh T3 là 20.200.000 đồng, tổng cộng 39.200.000 đồng.

Lê Xuân C1 được phê chuẩn giữ chức vụ Phó bí thư đảng ủy, Chủ tịch UBND xã L nhiệm kỳ 2021-2026 thay thế cho bị cáo N. Sau khi giữ chức Chủ tịch UBND xã L, mặc dù biết Tắc, T3 không làm bảo vệ cho UBND xã L nhưng C1 vẫn tiếp tục ký duyệt các thủ tục chi trả phụ cấp theo hợp đồng bảo vệ do N đã ký trước đó với T2 và T3. Lê Xuân C1 đã ký duyệt chi trả phụ cấp cho các hợp đồng bảo vệ của T2, T3 trong thời gian từ tháng 07/2021 đến 12/2021 với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, trong đó mỗi hợp đồng là 9.000.000 đồng. Sau tháng 12/2021, C1 chỉ đạo dừng việc ký hợp đồng bảo vệ với T2, T3.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L thu giữ: Chứng từ thu, chi thanh toán lương, phụ cấp các năm 2018, 2019, 2020, 2021 của UBND xã L, L, Hòa Bình. 01 (Một) sổ họp nghị quyết xã L, nhiệm kỳ 2015 - 2020. 01 (Một) sổ họp giao ban UBND xã L, nhiệm kỳ 2016-2021. 07 (Bảy) sổ ghi chép việc giao nhận tài liệu của xã L.

Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 15/11/2022 của Sở tài chính tỉnh H kết luận: Hành vi nêu trên của ông Đinh Thái H8 và Lê Xuân C1 chưa đúng quy định pháp luật. Vi phạm điểm 3, Điều 18 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015, Gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Số tiền thiệt hại theo trưng cầu giám định (đối với hợp đồng lao động của T2, T3): Từ tháng 01/2018 đến 6/2021 là 94.000.000 đồng; Từ tháng 7/2021 đến 12/2021 là 18.000.000 đồng.

Ngày 25/10/2022, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh H có công văn số 2479 về việc xác định vi phạm về hợp đồng lao động gửi Cơ quan điều tra với nội dung: Đối chiếu với các quy định tại Điều 31 Bộ luật Lao động năm 2012, Điều 29 bộ luật Lao động năm 2019 thì việc ông Nguyễn Đình T2 ký hợp đồng lao động với nội dung công việc là Bảo vệ sau được chuyển sang làm công việc bưu tá Vận chuyển tài liệu qua 60 ngày cộng dồn trong 01 năm nếu không có sự đồng ý băng văn bản của ông Nguyễn Đình T2 (từ thời điểm thực hiện hợp đồng 02/HĐLV ngày 04/10/2021) và thông báo của Ủy ban nhân dân xã L thì việc chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng là không đúng quy định của pháp luật.

Đinh Thái N đã nộp số tiền 96.000.000 đồng vào Ngân sách UBND xã để khắc phục hậu quả.Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0947064 ngày 24/02/2023.

Hoàng Văn H2 đã nộp lại số tiền 10.700.000 đồng vào Ngân sách nhà nước để khắc phục hậu quả; Hoàng S đã tự nguyện nộp lại số tiền 10.700.000 đồng vào Ngân sách nhà nước để khắc phục hậu quả. Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 4265784 ngày 03/10/2023.

Trần Duy B đã tự nguyện nộp lại số tiền 12.000.000 đồng (trong đó 2.000.000 đồng vào Ngân sách nhà nước để khắc phục hậu quả Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 4871383 ngày 07/11/2023 và 10.00.000đ theo Biên lai thu tiền số 000717 ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LS).

Lê Xuân C1 đã tự nguyện nộp lại số tiền 18.000.000 đồng vào Ngân sách nhà nước để khắc phục hậu quả, theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0854531 ngày 17/02/2023).

Cáo trạng số 95/CT-VKSLS, ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LS, tỉnh Hòa Bình truy tố Đinh Thái N, Hoàng Văn H2, Lê Xuân C1, Hoàng S, Trần Duy B về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LS, tỉnh Hòa Bình giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên các bị cáo Đinh Thái N, Hoàng Văn H2, Lê Xuân C1, Hoàng S, Trần Duy B phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS, đề nghị HĐXX tuyên phạt Đinh Thái N từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS, đề nghị, tuyên phạt bị cáo Hoàng S từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 BLHS tuyên phạt bị cáo Hoàng Văn H2 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 59 BLHS và điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ đề nghị, miễn hình phạt đối với bị cáo Trần Duy B

Áp dụng khoản 1 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 59 BLHS và điểm d khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ, đề nghị miễn hình phạt đối với bị cáo Lê Xuân C1.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ Điều 32 và khoản 4 Điều 356 BLHS, đề nghị áp dụng hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định trong thời gian từ 01 đến 02 năm đối với các bị cáo N, S, H2.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, tiếp tục lưu các tài liệu sau trong hồ sơ vụ án: Chứng từ thu, chi thanh toán lương, phụ cấp các năm 2018, 2019, 2020, 2021 của UBND xã L, L, Hòa Bình. 01 (Một) sổ họp nghị quyết xã L, nhiệm kỳ 2015-2020. 01 (Một) sổ họp giao ban UBND xã L, nhiệm kỳ 2016-2021. 07 (Bảy) sổ ghi chép việc giao nhận tài liệu của xã L.

- Về trách nhiệm dân sự:

Tổng số tiền các bị cáo gây thiệt hại là 135.400.000 đồng. Căn cứ Điều 584, 585, 587, 589, các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra, trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo được xác định tương ứng với mức độ lỗi của từng người.

Quá trình giải quyết các bị cáo đã bồi thường 147.400.000 đồng, trong đó nộp vào tài khoản ngân sách của UBND xã L là 135.400.000 đồng, nộp vào Chi cục thi hành án dân sự huyện LS là 10.000.000 đồng. Số tiền các bị cáo bồi thường vượt quá số tiền gây thiệt hại là 12.000.000 đồng. Do đó cần trả lại phần còn thừa cho các bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Thái N, Trần Duy B có yêu cầu được hoàn trả lại số tiền bồi thường vượt quá mức các bị cáo phải bồi thường. Do đó, đề nghị xem xét trách nhiệm hoàn trả số tiền bồi thường cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Lê Xuân C1 không yêu cầu các hoàn trả số tiền đã bồi thường thừa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LS, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa các bị cáo Đinh Thái N, Hoàng Văn H2, Lê Xuân C1, Hoàng S, Trần Duy B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Theo Quyết định số 01/QĐ-UBND, ngày 03/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc "quy định chức danh, số lượng và mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách, khoản kinh phí hoạt động của một số tổ chức, cấp xã, xóm, tổ dân phố", trong đó không có đối tượng được hưởng phụ cấp là Bưu tá, Ủy nhiệm thu. Để giữ ông Nguyễn Đình T2 làm công việc Bưu tá và ông Bùi Đức T4 làm công việc ủy nhiệm thu của UBND xã L. Các bị cáo lập hợp đồng lao động bảo vệ, để chi trả phụ cấp cho Nguyễn Đình T2 và anh Bùi Đức T4, lập hợp đồng khống để chi trả thêm phụ cấp cho ông Nguyễn Đình T2 là trái quy định tại Điểm 3 Điều 18 Luật ngân sách Nhà nước năm 2015, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà Nước với tổng số tiền 135.400.000 đồng. Xét các bị cáo đều là người có chức vụ, quyền hạn trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng ngân sách Nhà Nước ở xã, song vì động cơ vụ lợi cho người khác đã lợi dụng chức vụ quyền hạn làm trái công vụ xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà N2; làm cho cơ quan bị suy yếu, mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào Nhà nước đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện LS truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo phạm tội đồng phạm, trong đó:

Đinh Thái N là Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã, chủ tài khoản là người khởi xướng, đưa ra bàn bạc với Ban thường vụ, chỉ đạo soạn thảo, ký hợp đồng lao động bảo vệ, chi trả phụ cấp, đối với Nguyễn Đình T2 và Bùi Đức T4, ngoài ra chỉ đạo soạn thảo ký hợp đồng bảo vệ khống đối với Nguyễn Minh T3 mục đích để cho ông T2 hưởng thêm tiền từ hợp đồng lao động, đã chi trả Tổng cộng 117.400.000 đồng; do vậy bị cáo Đinh Thái N phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Hoàng Sâm, là công chức kế toán, tài chính UBND xã L từ 10/2017 đến 10/2020. Mặc dù biết T2, T4, T3 không làm bảo vệ UBND xã L nhưng S vẫn thực hiện việc lập dự toán, quyết toán chi trả phụ cấp theo đồng lao động bảo vệ do N đã ký. Tổng số tiền S thực hiện chi trả phụ cấp cho T2, T3, T4 là 96.200.000 đồng, do vậy Hoàng S đồng phạm với vai trò giúp sức.

Đối với Hoàng Văn H2, công chức Văn P - Thống kê phụ trách quản trị kiêm thủ quỹ, mặc dù biết cơ quan không có bảo vệ, đã tham mưu soạn thảo hợp đồng bảo

vệ, thực hiện chi trả phụ cấp trái pháp luật theo chỉ đạo của Đinh Thái N do vậy là đồng phạm với vai trò giúp sức.

Đối với Trần Duy B, kế toán của UBND xã từ tháng 11/2020, khi phát hiện ông T2, ông T3 không làm bảo vệ, đã không có ý kiến phản đối mà vẫn tiếp tục lập dự toán ngân sách, chi trả phụ cấp tổng số 39.200.000 đồng trong đó: cho ông T2 19.000.000 đồng và anh T3 20.200.000 đồng do vậy là đồng phạm với vai trò giúp sức.

Đối với Lê Xuân C1, khi làm phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L đã tham gia bàn bạc thống nhất. Khi làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L lại thiếu kiểm tra, tiếp tục ký chi trả phụ cấp cho các hợp đồng do bị cáo Ngọc k với số tiền 18.000.000 đồng, trong đó mỗi hợp đồng là 9.000.000 đồng, do vậy là đồng phạm trong vụ án với vai trò giúp sức.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tích cực bồi thường khắc phục hậu quả, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng cho các bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo Đinh Thái N, có thành tích xuất sắc trong công tác (được chủ tịch UBND tỉnh H tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua gắn với phát triển đô thị "Thị trấn L và khu vực huyện L đạt tiêu chí đô thị loại IV" giai đoạn 2016 – 2020); có bố đẻ là ông Đinh Minh C được tặng Giấy khen do có thành tích tốt trong phong trào thi đua lập công năm 1973, 1974. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo Lê Xuân C1 có người có thành tích xuất sắc trong công tác (được chủ tịch UBND tỉnh H tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc trong phong trào "Thi đua thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống đại dịch Covid 19 vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2021), có bố đẻ là ông Lê Văn T và mẹ đẻ là bà Trần Thị T1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất do có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo Hoàng Văn H2 được Ủy ban nhân dân huyện L tặng Giấy khen do có thành tích trong công tác; có bố đẻ là ông Hoàng Văn H3 được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba do có thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Bị cáo Trần Duy B được Ủy ban nhân dân huyện L và Bảo hiểm xã hội tỉnh H tặng giấy khen do có thành tích trong công tác; có bố đẻ là ông Trần Duy C2 và mẹ đẻ là bà Trần Thị H5 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[4]. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy:

Các bị cáo phạm tội nghiêm trọng, song không vì trục lợi cho bản thân và gia đình; có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự.

Đối với Đinh Thái N là người giữ vai trò chính trong vụ án, do vậy cần phải có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác, song xét thấy không cần phải chấp hành hình phạt tù cũng có thể giáo dục, cải tạo bị cáo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do vậy áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt có điều kiện đối với bị cáo và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Hoàng S, là đồng phạm trong vụ án do vậy có mức án thấp hơn bị cáo Đinh Thái N, song xét thấy không cần phải chấp hành hình phạt tù cũng có thể giáo dục, cải tạo bị cáo việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, do vậy áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt có điều kiện điều kiện và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Hoàng Văn H2, là đồng phạm trong vụ án, giữ vai trò thứ yếu do vậy có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, tuy nhiên xét thấy bị cáo có thu nhập thấp, vợ bị cáo công việc không ổn định, con nhỏ do vậy miễn khấu trừ thu nhập, đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Đối với Lê Xuân C1 và Trần Duy B, xét thấy: các bị cáo phạm tội lần đầu và có vai trò không đáng kể. Căn cứ điểm d khoản 3 điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30-12-2020 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ thì Lê Xuân C1 và Trần Duy B có đủ điều kiện được áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt miễn hình phạt theo quy định tại điều 59 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Hành vi của các bị cáo đã gây thiệt hại cho ngân sách Ủy ban nhân dân xã L số tiền 135.400.000 đồng. Do vậy cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại 135.400.000 đồng, tương ứng với mức độ lỗi của từng bị cáo trong đó: Đinh Thái N phải bồi thường 70.244.000 đồng; Hoàng S phải bồi thường 32.708.000 đồng; Hoàng Văn H2 phải bồi thường 12.820.000 đồng; Trần Duy B phải bồi thường 11.708.000 đồng, Lê Xuân C1 phải bồi thường 7.920.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bị cáo đã bồi thường 147.400.000 đồng trong đó 137.400.000 đồng được các bị cáo nộp vào tài khoản ngân sách của Ủy ban nhân dân xã L và 10.000.000 đồng được nộp vào tài khoản của Chi cục THADS huyện L; cụ thể: Bị cáo N đã bồi thường số tiền 96.000.000 đồng, bị cáo S và bị cáo H2 đã mỗi bị cáo đã bồi thường 10.700.000 đồng, bị cáo B bồi thường 2.000.000 đồng, bị cáo C1 đã bồi thường 18.000.000 đồng vào ngân sách Ủy ban nhân dân xã L và bị cáo B nộp bồi thường 10.000.000đ vào Chi cục thi hành án dân sự.

Do là trách nhiệm liên đới bồi thường do vậy các bị cáo bồi thường thiếu có trách nhiệm hoàn trả lại cho các bị cáo đã bồi thường thừa. Tại phiên tòa bị cáo C1 đề nghị không nhận lại số tiền đã bồi thường thừa. Đại diện Ủy ban nhân dân xã L xác nhận sẽ hoàn trả lại 2.000.000 đồng do các bị cáo bồi thường thừa vào Ngân sách UBND xã, do vậy:

Bị cáo N được nhận lại 25.756.000 đồng, trong đó: 2.000.000 do Ngân sách Ủy ban nhân dân xã L hoàn trả; 9.708.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000717 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LS và 14.048.000 đồng do bị cáo S và bị cáo H2 hoàn trả.

Bị cáo Trần Duy B được nhận lại 292.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 000717 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LS.

Ủy ban nhân dân xã L có nghĩa vụ hoàn trả bị cáo N 2.000.000 đồng

Bị cáo Hoàng S và Hoàng Văn H2 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bị cáo Đinh Thái N 14.048.000 đồng, trong đó Hoàng S phải hoàn trả 11.928.000 đồng, Hoàng Văn H2 phải hoàn 2.120.000 đồng.

[6]. Về án phí: Các bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo S và bị cáo H2 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với bà Nguyễn Thị N1 và Trần Thị Thu H7 là thành viên Ban thường vụ Đảng ủy xã L nhiệm kỳ 2015-2020, được tham gia họp bàn thống nhất về việc ký hợp đồng lao động bảo vệ đối với T2, T4. Tuy nhiên bà N1 và bà H7 không tham

gia vào việc soạn thảo hợp đồng, không có thẩm quyền, nhiệm vụ trong việc ký kết, chi trả phụ cấp cho T2, T4, T3. Do vậy không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà N1 và bà H7 trong vụ án này.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ: Chứng từ thu, chi thanh toán lương, phụ cấp các năm 2018, 2019, 2020, 2021 của UBND xã L, L, Hòa Bình; 01 (Một) sổ họp nghị quyết xã L, nhiệm kỳ 2015-2020; 01 (Một) sổ họp giao ban UBND xã L, nhiệm kỳ 2016-2021; 07 (Bảy) sổ ghi chép việc giao nhận tài liệu của xã L, các tài liệu hiện đang được lưu giữ tại hồ sơ vụ án do vậy cần tiếp tục lưu giữ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Đinh Thái N, Hoàng S, Hoàng Văn H2, Trần Duy B, Lê Xuân C1 phạm tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ"

- Áp dụng: Khoản 1, K 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đinh Thái N 20 (hai mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 40 (bốn mươi) tháng kể từ ngày tuyên án. Cấm Đinh Thái N đảm nhiệm chức vụ liên quan đến việc phạm tội trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Đinh Thái N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình Đinh Thái N, có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, huyện L trong việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Đinh Thái N thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc phải thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu Đinh Thái N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này với bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng: Khoản 1, K 4 Điều 356; điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt H (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án. C3 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến việc phạm tội trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Hoàng S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình Hoàng S, có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện L trong việc giám sát, giáo dục H trong thời

gian thử thách. Trong trường hợp H thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc phải thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu Hoàng S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này với bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự.

- Áp dụng: Khoản 1, K 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt Hoàng Văn H2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện L, tỉnh Hòa Bình nhận được Quyết định thi hành án. Cấm Hoàng Văn H2 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến việc phạm tội trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao Hoàng Văn H2 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình để giám sát, giáo dục. Gia đình Hoàng Văn H2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình trong việc giám sát, giáo dục Hoàng Văn H2.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 59 Bộ luật hình sự. Miễn Hình phạt cho bị cáo Trần Duy B.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 356; điểm b, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58;Điều 59 Bộ luật hình sự. Miễn Hình phạt cho bị cáo Lê Xuân C1.

2. Về trách nhiệm Dân sự: Áp dụng các điều 584; 585; 587; 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc các bị cáo Đinh Thái N, Hoàng S, Hoàng Văn H2, Trần Duy B, Lê Xuân C1 liên đới bồi thường 135.400.000 (một trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn) đồng cho Ngân sách Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình, trong đó: Đinh Thái N phải bồi thường 70.244.000 (bẩy mươi triệu, hai trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng; Hoàng S phải bồi thường 32.708.000 (ba mươi hai triệu, bẩy trăm linh tám nghìn) đồng; Hoàng Văn H2 phải bồi thường 12.820.000 (mười hai triệu, tám trăm hai mươi nghìn) đồng; Trần Duy B phải bồi thường 11.708.000 (mười một triệu, bẩy trăm linh tám nghìn) đồng, Lê Xuân C1 phải bồi thường 7.920.000 (bẩy triệu, chín trăm hai mươi nghìn) đồng.

Xác nhận các bị cáo đã bồi thường vào ngân sách Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình 137.400.000 (một trăm ba mươi bẩy triệu, bốn trăm nghìn) đồng và 10.000.000 (mười triệu đồng) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LS.

Đinh Thái N được nhận lại 25.756.000 (Hai mươi lăm triệu, bẩy trăm năm mươi sáu nghìn) đồng, trong đó: 2.000.000 (hai triệu) đồng do Ủy ban nhân dân xã L,

huyện L trả theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0947064 ngày 24/02/2023; 9.708.000 (chín triệu, bẩy trăm linh tám nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 000717, ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LS và 14.048.000 (mười bốn triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng do các bị cáo Hoàng S và bị cáo Hoàng Văn H2 hoàn trả.

Trần Duy B được nhận lại 292.000 (hai trăm chín mươi hai nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 000717, ngày 12/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LS.

Ủy ban nhân dân xã L, huyện L có nghĩa vụ hoàn trả lại Đinh Thái N 2.000.000 (hai triệu đồng), theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0947064 ngày 24/02/2023.

Bị cáo Hoàng S và Hoàng Văn H2 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bị cáo Đinh Thái N 14.048.000 (mười bốn triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn) đồng, trong đó Hoàng S phải hoàn trả 11.928.000 (mười một triệu chính trăm hai mươi tám nghìn) đồng, Hoàng Văn H2 phải hoàn trả 2.120.000 (hai triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Đinh Thái N, Hoàng S, Hoàng Văn H2, Trần Duy B, Lê Xuân C1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hoàng S phải nộp 1.100.000 (Một triệu, một trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo Hoàng Văn H2 phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận**:*
- TAND, VKSND tỉnh HB;
- STP tỉnh HB;
- VKSND huyện LS;
- Công an huyện LS;
- Chi cục THA dân sự huyện LS;
- Các Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trường Giang